TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:29/2023/DS-ST
Ngày: 18-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng san lấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Mai Loan

Ông Võ Trường Tam

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng san lấp"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T (viết tắt Công ty T); Địa chỉ: Số 61 đường Đ, Phường 1, thành phố A, tỉnh A. Người đại diện theo pháp luật của Công ty T: Ông Trần Ngọc Ph – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của ông Ph: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1996,; Địa chỉ: Số 0165 ấp Hai, xã T, huyện P, tỉnh G. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 381 ấp Ngãi Lợi B, xã N, thành phố A, tỉnh A. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Trầm Triều V, sinh năm: 1972; Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện G, tỉnh A. Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị Kim P, sinh năm: 1941; Địa chỉ: Số 2, đường T, phường T, Quận 1, Thành phố M. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Năm 2018, ông Trầm Triều V có liên hệ với Công ty T để thực hiện việc san lấp cát khu đất phía sau Chùa nhà lá do ông V quản lý, ông V trình bày là khu đất phía sau chùa là của bà Lương Thị Kim P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau đó, phía công ty tiến hành soạn hợp đồng theo yêu cầu và giao cho ông V để đưa cho bà Phi. Sau đó, ông V đưa lại hợp đồng có chữ ký của bà Phi tại hợp đồng hợp đồng số 58 /HĐSL.2018, hợp đồng không ghi ngày tháng năm, nội dung công ty thực hiện san nền khu trồng cây xanh Chùa nhà lá với diện tích san lấp là 2.400m^3 x 209.000 đồng/m^3, giá 516.600.000 đồng (hợp đồng bà Phi cung cấp cho Tòa án).

Sau khi ký hợp đồng với bà Phi thì ông V có liên hệ lại với công ty và yêu cầu giảm giá tiền và giảm khối lượng san lấp. Do ông V là người trực tiếp liên lạc với công ty và cung cấp họ tên địa chỉ đầy đủ của bà Phi nên công ty tin tưởng ông V là người đại diện của bà Phi. Sau đó, công ty ký lại hợp đồng với ông V theo Hợp đồng số 58/HĐSL.2018 (hợp đồng công ty cung cấp cho Tòa án) công ty thực hiện "San nền khu trồng cây xanh Chùa Nhà Lá" trong thời gian từ ngày 08/6/2018 đến ngày 08/7/2018 là 2.000m^3 x 170.000 đồng/m^3 với giá trị giao khoán là 355.000.000 đồng. Thời điểm ông V ký hợp đồng thì ông V không có cung cấp văn bản thể hiện sự ủy quyền của bà Phi và cũng không cung cấp văn bản thể hiện vị trí khu đất do bà Phi là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, qua kiểm tra thì công ty biết được khu đất đúng thông tin như ông V trình bày nên công ty không yêu cầu ông V cung cấp lại.

Hiện tại hợp đồng số 58 mà công ty ký với ông V đã thất lạc, chỉ còn bản photocopy đã nộp cho Tòa án. Còn hợp đồng mà công ty có chữ ký của bà Phi thì công ty ra thông báo hủy bỏ và gửi cho ông V để ông V đưa cho bà Phi.

Quá trình thực hiện thì ông V có đặt cọc số tiền là 90.000.000 đồng. Đến ngày 28/10/2018 các bên có tiến hành lập "Bảng xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành" làm cơ sở để thanh toán tiền với tổng số tiền thanh toán là 386.200.000 đồng, trừ chi phí ứng trước là 90.000.000 đồng thì phía ông V phải thanh toán cho công ty là 296.200.000 đồng, phía ông V có xác nhận và đồng ý. Sau đó, ông V có thanh toán thêm 100.000.000 đồng (chứng từ phía ông V đã thanh toán cho công ty thì do đã lâu nên thất lạc), còn 196.200.000đ vẫn chưa thanh toán.

Phần đất mà công ty tiến hành san lấp là thửa đất số 36, tờ bản đồ số 6, diện tích 4.151m^2 do bà Phi đứng tên. Mặc dù trong hợp đồng không có ghi nhưng khi Tòa án thẩm định xác định đúng vị trí thửa đất.

Quá trình từ khi giao kết hợp đồng đến khi thực hiện thì ông V là người liên lạc trực tiếp với công ty. Công ty không có liên hệ với bà Phi cho đến thời điểm khởi kiện.

Nay Công ty T yêu cầu buộc ông V và bà Phi phải liên đới trả cho công ty số tiền còn nợ theo hợp đồng là 196.200.000 đồng. Do sau khi san lấp thì bà Phi được hưởng giá trị tăng thêm của phần đất nên bà Phi phải cùng chịu trách nhiệm trả với ông V. Thực tế bà Phi cũng có nhu cầu san lấp phần đất trên thể hiện tại bản ghi lời khai.

Đối với việc ông V chậm thanh toán theo hợp đồng thì phía công ty không có yêu cầu tính lãi chậm thanh toán cho đến khi xét xử.

Tại Bản tự khai và biên bản ghi lời khai bị đơn ông Trầm Triều V trình bày:

Ông V xác định chữ ký trong hợp đồng số 58 mà công ty cung cấp có trang cuối là chữ ký của ông, tuy nhiên các trang còn lại thì không đúng nội dung mà ông và công ty thỏa thuận. Ông V có thanh toán cho công ty 02 lần để thực hiện công việc. Sau khi công việc hoàn thành thì công ty không thực hiện nghiệm thu nên ông không đồng ý thanh toán tiền. Khối lượng công ty thực hiện san lấp không đủ theo yêu cầu của ông. Ông V không đồng ý trả với số tiền 196.200.000 đồng mà Công ty T yêu cầu, chỉ đồng ý hỗ trợ số tiền là 100.000.000 đồng. Trước đó ông V đã trả hơn 190.000.000 đồng, ông xác định chữ ký trong bản xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành là chữ ký của ông nhưng nội dung ông không có xem.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Kim P trình bày:

Bà Phi và ông V có quen biết khi đi lễ đạo Mẫu. Năm 2018, bà Phi có nhờ ông V giới thiệu công ty san lấp để san lấp khu đất do bà Phi đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, bà Phi có trực tiếp ký với Công ty T theo Hợp đồng số 58/HĐSL.2018 không ghi ngày tháng năm, với diện tích san lấp là 2.400m^3 x 209.000 đồng/m^3, giá 516.600.000 đồng. Sau đó bà có đưa cho ông V số tiền trên để thanh toán cho công ty. Bà yêu cầu san lấp thửa đất số 36, tờ bản đồ số 6, diện tích 4.151m^2 và thửa đất số 1509, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.051m^2 đều do bà Phi đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không biết việc ông V có ký kết hợp đồng san lấp với Công ty T. Công ty thực hiện san lấp vào thời gian thì bà không biết và không chứng kiến. Sau khi công ty thực hiện xong thì phía công ty không có liên lạc với bà. Hiện nay, công ty cho rằng bà là người hưởng lợi do đất san lấp thuộc quyền sử dụng của bà nên yêu cầu bà cùng ông V liên đới trả cho công ty số tiền còn nợ là 196.200.000 đồng thì bà không đồng ý, do ông V tự ký hợp đồng thì ông V có trách nhiệm trả cho công ty.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Công ty T, ông Nguyễn Văn Tiệt tranh luận: Ông V thực hiện công việc không có ủy quyền của bà Phi. Tuy nhiên, việc san lấp mặt bằng mang lại lợi ích cho bà Phi. Bà Phi cũng xác định có nhờ ông V liên hệ để san lấp và đưa tiền cho ông V để thực hiện. Do đó, sau khi san lấp xong ông V không thanh toán số tiền theo thỏa thuận thì bà Phi phải có trách nhiệm liên đới với ông V để trả số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T buộc ông Trầm Triều V trả cho Công ty Tín đứng số tiền 196.200.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T buộc bà Lương Thị Kim P có trách nhiệm liên đới với ông V cùng trả số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền theo hợp đồng san lấp còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng san lấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét bị đơn cư trú tại huyện Cần Giuộc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An theo quy định điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Xét thấy bị đơn ông V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy báo tham gia phiên tòa nhưng ông V vẫn vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V, bà P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng số 58/HĐSL.2018, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Hợp đồng 58/HĐSL.2018 do nguyên đơn cung cấp được bị đơn ông Trầm Triệu Văn xác nhận đúng chữ ký và ông V có đặt cọc số tiền 90.000.000 đồng để Công ty T thực hiện công việc. Do đó, có cơ sở xác định giữa Công ty T và ông Trầm Triều V có giao kết hợp đồng san lấp cát. Ông V cho rằng nội dung thỏa thuận trong hợp đồng mà Công ty T cung cấp tại Tòa án không đúng với nội dung mà các bên thỏa thuận, tuy nhiên đến khi xét xử ông V cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đối với lời trình bày trên. Do đó, không có căn cứ xác định hợp đồng do công ty cung cấp là không đúng nội dung các bên thỏa thuận. Xét thấy, hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, 398 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực giữa các bên. Sau đó, thời gian thực hiện hợp đồng các bên có thỏa thuận bổ sung và lập Bảng xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, ngày 28/10/2018 có chữ ký của ông V. Quá trình giải quyết tại Tòa án, ông V không yêu cầu giám định chữ ký, ông V xác định đúng chữ ký của ông. Do đó, có cơ sở xác định thời điểm 28/10/2018 ông V còn nợ số tiền 296.200.000 đồng. Phía ông V và Công ty T đều xác định sau đó ông V có thanh toán một phần của số tiền này, cụ thể: Công ty xác định ông V đã thanh toán thêm 100.000.000 đồng nên còn lại 196.200.000 đồng, còn ông V cho rằng có thanh toán hơn số tiền 100.000.000 đồng, nhưng sau đó ông V không cung cấp chứng cứ chứng minh. Nên căn cứ sự thừa nhận của công ty xác định nghĩa vụ mà ông V đã thực hiện với số tiền đã thanh toán là 190.000.000 đồng. Xét thấy, đến khi Tòa án giải quyết, ông V chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Do đó, căn cứ Điều 3, Điều 6 của Hợp đồng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T buộc ông Trầm Triều V có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 196.200.000 đồng. Phía công ty không yêu cầu tiền chậm thanh toán đến thời điểm xét xử nên không xem xét.

[3.2] Nguyên đơn Công ty T yêu cầu bà Lương Thị Kim P và ông Trầm Triều V có trách nhiệm liên đới trong việc trả lại số tiền trên, Hội đồng xét thấy: Công ty T xác định việc thỏa thuận giao kết hợp đồng đều do ông Trầm Triều V thực hiện trực tiếp với công ty, phía công ty không có gặp bà P cho đến khi khởi kiện đến

Tòa án. Phía bà P có cung cấp bản photocopy Hợp đồng số 58 và người đại diện công ty xác định hợp đồng trên do phía công ty ký và giao cho ông V để đưa cho bà P. Tuy nhiên, sau đó hợp đồng này đã được công ty ra thông báo hủy bỏ. Việc san lấp cát được thực hiện theo hợp đồng ký giữa công ty với ông V, không phải thực hiện theo hợp đồng giữa công ty với bà P. Do đó, giữa bà P và Công ty T không có hợp đồng nào khác ràng buộc thực hiện. Xét thấy, hợp đồng san lấp cát giữa ông V với Công ty T có hiệu lực theo mục [3.1] nêu trên nên theo Khoản 1 Điều 275 của Bộ luật Dân sự thì căn cứ phát sinh nghĩa vụ trong trường hợp này là từ hợp đồng được giao kết giữa Công ty T và ông Trầm Triều V. Các chủ thể có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng là Công ty T và ông Trầm Triều V. Hơn nữa, ông V và Công ty T không cung cấp được văn bản thể hiện việc ông V giao kết hợp đồng thông qua sự ủy quyền của bà P. Do đó, bà P không phải là chủ thể phải chịu trách nhiệm với Công ty T, việc ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải phải tự chịu trách nhiệm thực hiện với công ty. Việc ông V thực hiện công việc không có ủy quyền nhằm mang lại lợi ích cho bà P thì quyền lợi và nghĩa vụ giữa bà P và ông V được giải quyết khi có yêu cầu. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Công ty T buộc bà Lương Thị Kim P phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền còn nợ với ông Trầm Triều V.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng, do yêu cầu của Công ty T được chấp nhận nên ông V phải chịu và có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trầm Triều V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty T chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, 147 Khoản 1 Điều 161, Khoản 1 Điều 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều Điều 117, 119, Điều 398, 401 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T yêu cầu ông Trầm Triệu Văn trả số tiền nợ theo hợp đồng san lấp cát.

Buộc ông Trầm Triều V có trách nhiệm trả số tiền 196.200.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn T về việc buộc bà Lương Thị Kim P phải chịu trách nhiệm liên đới với ông Trầm Triều V.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trầm Triệu Văn có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty T số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trầm Triều V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.810.000đ (chín triệu tám trăm mười nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước. Công ty T phải chịu án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đối với yêu cầu không được chấp nhận. Khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) vào tiền tạm ứng án phí mà công ty đã nộp là 4.905.000đ (bốn triệu chín trăm lẽ năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012565 ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Hoàn lại cho Công ty T số tiền 4.605.000đ (bốn triệu sáu trăm lẽ năm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phương Thảo